

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN ĐỨC LINH **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 117/2024/DS-ST

Ngày: 30/9/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Thuận.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Trường

2. Ông Lê Hoàng Phúc

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 269/2024/TLST-DS, ngày 01 tháng 7 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2024/QĐXX-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 223/2024/QĐST-DSST giữa:

- 1. Nguyên đơn:*** Ông Huỳnh Tấn B, sinh năm: 1941
Nơi cư trú: Tổ E, khu phố D, TT.Đức Tài, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.
Địa chỉ liên hệ: số G, đường T, P.14, Quận A, TP .
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng K, sinh năm: 1971
Nơi cư trú: số C, đường số C, thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.
- 2. Bị đơn:*** Bà Trần Thị H, sinh năm: 1976
Nơi cư trú: số D, đường số A, tổ F, thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.
- 3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

+Bà Trịnh Thị Thu V, sinh năm: 1943

Nơi cư trú: Tổ E, khu phố D, TT.Đức Tài, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng K, sinh năm: 1971

Nơi cư trú: số C, đường số C, thôn A, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được có trong hồ sơ vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 24/12/2015, bà Trần Thị H có lập giấy mượn tiền của của ông Huỳnh Tấn B số tiền là 70.000.000đồng, số tiền mượn này bà H hứa trả dần cho ông B theo hàng tháng. Sau khi lập giấy mượn, bà H không thực hiện trả như đã hứa. Ông Huỳnh Tấn B nhiều lần đến đòi thì bà H có trả cho ông B được 2.000.000đồng vào năm 2019 và sau đó trả dần nhiều lần đến ngày 25 tháng chạp năm 2023 được tổng cộng là 15.300.000đồng. Từ đó đến nay ông Ba K1 liên lạc được với bà H. Bà H không có chồng. Nay ông Huỳnh Tấn B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đức Linh giải quyết:

Buộc bà Trần Thị H phải trả cho ông B số tiền 54.700.000đồng và chịu theo mức lãi suất cơ bản của Ngân Hàng tính từ ngày lập giấy mượn 24/12/2015 là 10%/năm, tính 09 năm x 5.400.000đồng= 48.600.000đồng. Vậy tổng số tiền bà H phải trả cho ông B đến ngày 22/6/2024 là 103.300.000đồng.

Đến ngày 26/8/2024 ông Lê Hồng K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu về tiền lãi mà chỉ yêu cầu bị đơn phải trả 54.700.000đồng tiền gốc.

Đối với bị đơn bà Trần Thị H:

Mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Trần Thị H không có đơn khởi kiện phản tố, cũng không có ý kiến, tài liệu chứng cứ gì giao nộp cho Tòa án, cũng không tham gia làm việc và tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án:

+Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “ tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

+Về tiền gốc: Buộc bà Trần Thị H phải trả cho ông Huỳnh Tấn B và bà Trịnh Thị Thu V số tiền gốc 54.700.000đồng.

+Về án phí DSST: bà Trần Thị H phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm Sát V1 tại phiên tòa;

[1]Về thủ tục tố tụng: Kể từ ngày Tòa án nhân dân huyện Đức Linh thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định về việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự được quy định tại chương X Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2024 và các tài liệu chứng cứ cũng như lời khai của các đương sự, Tòa án xác định đây là vụ án: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn Trần Thị H lần thứ hai, không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Điều đó cho thấy bà Trần Thị H đã tự từ bỏ tham gia tố tụng. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử, xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[5] Xét về nội dung vụ án:

[5.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc khởi kiện bà Trần Thị H là bị đơn trong việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[5.2] Xét về khoản tiền vay gốc:

- Đối với “*Giấy mượn tiền*” ngày 24/12/2015 (âm lịch) do nguyên đơn cung cấp (bút lục 04) có chữ ký và chữ viết của bà Trần Thị H. Nguyên đơn khẳng định chữ ký, chữ viết tại giấy vay tiền là của bà H, đồng thời khẳng định đã cho bà Trần Thị H 1 tiền là 70.000.000 đồng. Thời hạn trả: mỗi tháng trả 1.000.000 đồng. Các bên không thỏa thuận lãi suất. Thời gian trên, đến nay đã quá thời hạn cho vay nhưng bị đơn vẫn không trả tiền cho nguyên đơn theo như cam kết “*nếu không thực hiện đúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật*”. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại tiền gốc là có cơ sở, nên được chấp nhận.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà H không có đơn phản tố, không có ý kiến trình bày, không phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tình tiết không cần chứng minh. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 54.700.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5.3] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Ngày 26/8/2024 ông Lê Hồng K là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu về tiền lãi. Vì vậy đình chỉ yêu cầu khởi kiện về tiền lãi của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Vì vậy cần buộc bà Trần Thị H phải chịu án toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Ông Huỳnh Tấn B1 trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

[7] Về áp dụng án lệ: Nghiên cứu các bản án lệ do TAND tối cao công bố, không có vụ án nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

[8] Xét ý kiến của Kiểm Sát V1 về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật.

Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nội dung vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm này.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 91, 92, 147; khoản 2 Điều 227; Khoản 2 Điều 228; Điều 264; Điều 266, Điều 267; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 144, 145, 146, 147, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc bà Trần Thị H phải trả cho ông Huỳnh Tấn B2 và bà Trịnh Thị Thu V2 tiền gốc: 54.700.000 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về tiền lãi: Đình chỉ yêu cầu tính tiền lãi trọng vụ án “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” trong đơn khởi kiện ngày 22/6/2024 của ông Huỳnh Tấn B.

3. Về án phí DSST:

- Ông Huỳnh Tấn B1 trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

- Bà Trần Thị H phải chịu 2.735.000đồng án phí DSST. Án phí nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh; **T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- Thi hành án DS huyện Đức Linh; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ, quyết định./.

Đỗ Xuân Thuận

